

NGHỊ QUYẾT

Quyết định giao bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương từ nguồn viện trợ không hoàn lại của Tổ chức Global Vision/Hàn Quốc; điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2025 vốn ngân sách địa phương, tỉnh Tuyên Quang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHOÁ XIX, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025, tỉnh Tuyên Quang (sau sắp xếp);

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2025, tỉnh Tuyên Quang (sau sắp xếp);

Xét Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quyết định giao bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương từ nguồn viện trợ không hoàn lại của Tổ chức Global Vision/Hàn Quốc; điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2025 vốn ngân sách địa phương, tỉnh Tuyên Quang và Báo cáo thẩm tra số 125/BC-KTNS ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Giao bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương từ nguồn viện trợ không hoàn lại của Tổ chức Global Vision/Hàn Quốc, như sau:

1. Giao dự toán thu viện trợ năm 2025 từ nguồn vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: 483,37 triệu đồng.

2. Phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh từ thu nguồn viện trợ không hoàn lại: 483,37 triệu đồng (*Chi đầu tư phát triển: Dự án Xây dựng nhà lớp học 02 tầng 10 phòng học Trường Tiểu học Tứ Quận, xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang*).

Điều 2. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2025 vốn ngân sách địa phương

1. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

1.1. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất

a) Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất được giao tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/7/2025: 7.719.375 triệu đồng.

b) Điều chỉnh giảm Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 2.721.067,20 triệu đồng. Trong đó:

- Điều chỉnh giảm nguồn đã phân bổ chi tiết: 1.800.000 triệu đồng (*Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), đoạn qua tỉnh Tuyên Quang*).

- Điều chỉnh giảm nguồn chưa phân bổ chi tiết: 921.067,2 triệu đồng.

c) Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất sau điều chỉnh: 4.998.307,80 triệu đồng.

(chi tiết có biểu số 01 kèm theo)

1.2. Điều chỉnh nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn (01 dự án): 9.170,86 triệu đồng.

b) Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn (05 dự án): 9.170,86 triệu đồng, bao gồm:

- Bố trí vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành (04 dự án): 7.750,2 triệu đồng.

- Bố trí vốn để đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành dự án (01 dự án): 1.420,66 triệu đồng.

(chi tiết có biểu số 03 kèm theo)

1.3. Bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và phân bổ chi tiết nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư

Bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và phân bổ chi tiết 519.645,46 triệu đồng từ nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư cho 47 dự án, trong đó:

- Bố trí cho các dự án đã hoàn thành phê duyệt quyết toán (22 dự án): 116.280,96 triệu đồng.

- Bố trí cho các dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán (07 dự án): 127.000 triệu đồng.

- Bố trí cho các dự án cần đẩy nhanh tiến độ đưa vào sử dụng (14 dự án): 240.364,5 triệu đồng.

- Bố trí cho các dự án khắc phục hậu quả thiên tai (02 dự án): 11.000 triệu đồng.

- Bố trí vốn đối ứng các dự án ODA (02 dự án): 25.000 triệu đồng.

(chi tiết có biểu số 03 kèm theo)

1.4. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước:

a) Điều chỉnh giảm Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước (06 dự án): 39.827,47 triệu đồng.

b) Điều chỉnh tăng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: 39.827,47 triệu đồng, trong đó:

- Bố trí vốn để đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành dự án (04 dự án): 29.758,47 triệu đồng.

- Bố trí vốn để thực hiện các nhiệm vụ lập, điều chỉnh quy hoạch (04 dự án): 10.069 triệu đồng.

(chi tiết có biểu số 05 kèm theo)

1.5. Bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và phân bổ chi tiết nguồn viện trợ không hoàn lại của Tổ chức Global Vision/Hàn Quốc.

Bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và phân bổ chi tiết 483,37 triệu đồng cho Dự án Xây dựng nhà lớp học 02 tầng 10 phòng học Trường Tiểu học Tứ Quận, xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

(chi tiết có biểu số 05 kèm theo)

2. Kế hoạch đầu tư công năm 2025

2.1. Điều chỉnh giảm Kế hoạch đầu tư công năm 2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất

a) Kế hoạch đầu tư công năm 2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất được giao tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 25/7/2025: 3.613.000 triệu đồng.

b) Điều chỉnh giảm Kế hoạch đầu tư công năm 2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 2.302.977,20 triệu đồng. Trong đó:

- Điều chỉnh giảm nguồn đã phân bổ chi tiết: 1.078.000 triệu đồng, bao gồm:

- + Dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), đoạn qua tỉnh Tuyên Quang: 990.000 đồng;

- + Dự án đầu tư xây dựng đường từ trung tâm thành phố Tuyên Quang đi khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm: 88.000 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm nguồn chưa phân bổ: 1.224.977,20 triệu đồng.

c) Kế hoạch đầu tư công năm 2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất sau điều chỉnh: 1.310.022,80 triệu đồng.

(chi tiết có biểu số 02 kèm theo)

2.2. Điều chỉnh nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn (01 dự án): 9.170,86 triệu đồng.

b) Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn (05 dự án): 9.170,86 triệu đồng, bao gồm:

- Bố trí vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành (04 dự án): 7.750,2 triệu đồng.

- Bố trí vốn để đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành dự án (01 dự án): 1.420,66 triệu đồng.

(chi tiết có biểu số 04 kèm theo)

2.3. Phân bổ chi tiết nguồn tăng thu ngân sách tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư

Phân bổ chi tiết 519.645 triệu đồng từ nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư cho 47 dự án, trong đó:

- Bố trí cho các dự án đã hoàn thành phê duyệt quyết toán (22 dự án): 116.280,96 triệu đồng

- Bố trí cho các dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán (07 dự án): 127.000 triệu đồng.

- Bố trí cho các dự án cần đẩy nhanh tiến độ (14 dự án): 240.364,5 triệu đồng.

- Bố trí cho các dự án khắc phục hậu quả thiên tai (02 dự án): 11.000 triệu đồng.

- Bố trí vốn đối ứng các dự án ODA (02 dự án): 25.000 triệu đồng.

(chi tiết có biểu số 04 kèm theo)

2.4. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2025 từ nguồn xây dựng cơ bản tập trung

a) Điều chỉnh giảm Kế hoạch đầu tư công năm 2025 từ nguồn xây dựng cơ bản tập trung (07 dự án): 38.947,17 triệu đồng.

b) Điều chỉnh tăng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn xây dựng cơ bản tập trung: 38.947,17 triệu đồng, trong đó:

- Bố trí vốn để đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành dự án (05 dự án): 28.878,17 triệu đồng.

- Bố trí vốn để thực hiện các nhiệm vụ lập, điều chỉnh quy hoạch (04 dự án): 10.069 triệu đồng.

(chi tiết có biểu số 06 kèm theo)

2.5. Bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 và phân bổ chi tiết từ nguồn viện trợ không hoàn lại của Tổ chức Global Vision/Hàn Quốc: Bổ sung Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 và phân bổ chi tiết 483,37 triệu đồng cho Dự án Xây dựng nhà lớp học 02 tầng 10 phòng học Trường Tiểu học Tứ Quận, xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

(chi tiết có biểu số 06 kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực từ khi được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Khóa XIX, Kỳ họp chuyên đề lần thứ tư thông qua ngày 12 tháng 11 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, (G).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
(NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT)**

(Kèm theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 tại Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh Nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2021-2025		Nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	GHI CHÚ
			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		
1	2	3	4	5	6=3-4+5	7
	Nguồn thu tiền sử dụng đất	7.719.375,00	2.721.067,20	-	4.998.307,80	
-	Phân bổ chi tiết	6.798.307,80	1.800.000,00		4.998.307,80	
-	Chưa phân bổ chi tiết	921.067,20	921.067,20		-	

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, TỈNH TUYỀN QUANG
(NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT)**

(Kèm theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2025 tại Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 25/7/2025 của HĐND tỉnh	Điều chỉnh nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2025		Nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2025 sau điều chỉnh	GHI CHÚ
			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		
1	2	3	4	5	6=3-4+5	7
	Nguồn thu tiền sử dụng đất	3.613.000,00	2.302.977,20	-	1.310.022,80	
-	Phân bổ chi tiết	2.388.022,80	1.078.000,00		1.310.022,80	
-	Chưa phân bổ chi tiết	1.224.977,20	1.224.977,20		-	

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KH-HT	Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT			Lũy kế vốn đã bỏ trị đến năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được duyệt				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:			Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		Tổng số	Trong đó:				
				Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương			Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ			9.467.126,72	1.893.674,00	722.003,03	809.402,70	517.807,70	184.595,00	107.000,00	9.170,86	528.816,32	1.329.048,16	517.807,70	184.595,00	626.645,46		
I	ĐIỀU CHỈNH GIẢM			95.400,00	85.400,00		10.000,00			10.000,00	9.170,86		829,14			829,14		
1	Cơ sở làm việc Công an thành phố Hà Giang thuộc Công an tỉnh Hà Giang	2025	7012/QĐ-BCA-H02 ngày 29/6/2024	95.400,00	85.400,00		10.000,00			10.000,00	9.170,86		829,14			829,14	Công an Tỉnh	
II	ĐIỀU CHỈNH TĂNG			9.371.726,72	1.808.274,00	722.003,03	799.402,70	517.807,70	184.595,00	97.000,00		528.816,32	1.328.219,02	517.807,70	184.595,00	625.816,32		
(1)	Thanh toán khối lượng hoàn thành các dự án			209.860,15	116.570,00	74.084,25	63.975,00	41.475,00	22.500,00			7.750,20	71.725,20	41.475,00	22.500,00	7.750,20		
1	Dự án: Nhà quản lý, bảo vệ đường hầm ĐTHG-2015	2023	35/QĐ-UBND ngày 26/8/2025	984,60								284,50	284,50			284,50	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	
2	Dự án: Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2012-2015	2014-2025	2301/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	119.561,96	116.570,00	56.570,00						2.991,96	2.991,96			2.991,96	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	
3	Dự án: HG-08, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang	2021-2023	465/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	42.448,74		1.000,00	37.975,00	25.475,00	12.500,00			3.473,74	41.448,74	25.475,00	12.500,00	3.473,74	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	
4	Dự án: QP-HG1	2020-2024	70/QĐ-UBND ngày 05/5/2020; 172/QĐ-UBND ngày 06/11/2020	46.864,86		16.514,25	26.000,00	16.000,00	10.000,00			1.000,00	27.000,00	16.000,00	10.000,00	1.000,00	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	
(2)	Bổ trí vốn để đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành dự án			4.987,26			3.000,00			3.000,00		1.420,66	4.420,66			4.420,66		
1	Doanh trại cơ quan Bộ CHQS tỉnh Hà Giang; HM: Xây dựng công chính, tường rào bảo vệ và hạng mục phụ trợ	2024-2025	1323/QĐ-UBND ngày 10/10/2024	4.987,26			3.000,00			3.000,00		1.420,66	4.420,66			4.420,66	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	
(3)	Phân bổ chi tiết nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư			9.156.879,31	1.691.704,00	647.918,78	732.427,70	476.332,70	162.095,00	94.000,00		519.645,46	1.252.073,16	476.332,70	162.095,00	613.645,46		
I	Công trình hoàn thành, quyết toán			793.002,13	339.900,00	190.386,60	203.765,70	144.834,70	47.323,00	11.608,00		116.280,96	320.046,66	144.834,70	47.323,00	127.888,96		

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KH-HT	Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT			Lũy kế vốn đã bỏ tri đến năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được duyệt				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:			Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		Tổng số	Trong đó:				
				Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương			Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
1	Trạm y tế xã Sơn Vi, huyện Mèo Vạc	2019-2020	1595/QĐ-UBND ngày 03/8/2021	8.078,00		3.591,40						4.487,00	4.487,00			4.487,00	Sở Y tế	
2	Hạ tầng Trạm kiểm soát liên ngành cửa khẩu Sầm Pun - Điện Biên, huyện Mèo Vạc;	2021-2024	514/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	68.399,09			56.208,00	54.508,00		1.700,00		12.191,47	68.399,47	54.508,00		13.891,47	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
3	Đường từ Thị trấn Đồng Văn đi Trung tâm xã Tà Lùng, huyện Đồng Văn;	2021-2023	974/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	27.842,30			23.677,00	18.677,00	5.000,00			4.164,92	27.841,92	18.677,00	5.000,00	4.164,92	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
4	Trung tâm Hội nghị huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang	2021-2022	1071/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	46.326,93			32.323,00		32.323,00			14.003,93	46.326,93		32.323,00	14.003,93	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
5	NC đường từ mốc 1051 ngã ba Phú Lũng - Thảng Mổ, huyện Yên Minh;	2013-2015	64/QĐ-UBND ngày 20/02/2013	2.650,00		2.000,00						650,00	650,00			650,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
6	Tường chắn đất bờ đông sông Lô	2013-2015	437/QĐ-UBND ngày 20/3/2023	22.236,00		22.123,00						113,00	113,00			113,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
7	NCRN Đường QL4c - Tát Ngà - Nậm Ban (Gói thầu số 2c và 2d)	2015-2017	2984/QĐ-UBND ngày 29/12/17	31.233,00		27.734,00						3.499,00	3.499,00			3.499,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
8	Kè chống xói lở bờ thị trấn Yên Minh, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang	2009-2012	1132/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	8.751,40		7.388,00						1.363,40	1.363,40			1.363,40	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
9	Kè chắn dòng suối xã Mậu Duệ, xã Mậu duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang	2.019	1118/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	4.993,78		4.000,00						993,78	993,78			993,78	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
10	Kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư thôn Vàng Chá Phìn và thôn Thên Ván xã Cao Mã Pờ, huyện Quản Bạ	2019-2019	2925/QĐ-UBND ngày 27/12/2018; 1634/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	13.611,57		11.287,00	867,00	867,00				1.458,00	2.325,00	867,00		1.458,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
11	Khắc phục tuyến đường xã Lũng Tắm đến trung tâm xã Thái An, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang	2019-2021	44/QĐ-UBND ngày 9/1/2019; 1318/QĐ-UBND ngày 05/7/2021; 742/QĐ-UBND ngày 01/6/2022	33.588,00		28.641,00						4.947,00	4.947,00			4.947,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
12	Đường ra biên giới từ Thanh Vân đi Bát Đại Sơn đến Mốc 338 huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang	2018-2020	895/QĐ-UBND ngày 17/6/2025	292.211,40	249.900,00	60.675,00	22.000,00	22.000,00				20.634,97	42.634,97	22.000,00		20.634,97	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
13	Xử lý nhà máy nước sinh hoạt thị trấn Yên Minh (di chuyển khẩn cấp nhà máy)	2020 -2021	1719/QĐ-UBND ngày 7/10/2022	10.108,00		8.818,40						1.290,00	1.290,00			1.290,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
14	Trạm Y tế xã Phú Nam	2019-2020	1329/QĐ-UBND ngày 22/08/2022	4.579,00		2.291,80						2.287,20	2.287,20			2.287,20	Sở Y tế	
15	Trạm Y tế xã Yên Cường, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang	2019-2020	1461/QĐ-UBND ngày 14/9/2022	4.146,49		2.043,20						2.103,29	2.103,29			2.103,29	Sở Y tế	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KH-HT	Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT			Lũy kế vốn đã bỏ tri đến năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được duyệt				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:			Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		Tổng số	Trong đó:				
				Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương			Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
16	Cấp nước sinh hoạt Trung tâm xã Ngọc Linh huyện Vị Xuyên	2017-2019	1719/QĐ-UBND ngày 7/10/2022	7.207,00		5.347,00						1.860,00	1.860,00			1.860,00	Trung tâm nước sạch nông thôn tỉnh Tuyên Quang	
17	Khu liên hợp thể thao và văn hoá tỉnh Hà Giang GD 2 (hạng mục Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác đã thực hiện)	2021-2024	731/QĐ-UBND ngày 13/6/2024	7.185,00		1.545,00	989,00			989,00		4.651,00	5.640,00			5.640,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
18	XD, BS CSVC cho cơ sở chăm sóc và phục hồi chức năng người tâm thần - Cai nghiện ma túy tỉnh Hà Giang	2021-2024	2595/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	44.998,00			39.999,00	32.168,00		7.831,00		4.999,00	44.998,00	32.168,00		12.830,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
19	Nhà điều trị nội nhi - đông y bệnh viện huyện Đồng Văn	2015-2017	1555/QĐ-UBND ngày 14/8/2020	5.024,00		2.105,00	2.219,00	2.219,00				700,00	2.919,00	2.219,00		700,00	Sở Y tế	
20	Bệnh viện lao và bệnh phổi tỉnh Hà Giang; Hạng mục: Nhà điều trị nội trú khoa lao phổi	2018-2022	2012/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	2.216,17		796,80	636,70	636,70				783,00	1.419,70	636,70		783,00	Sở Y tế	
21	Trạm Kiểm soát liên ngành, lối mở Mốc 504, xã Sơn Vi, huyện Mèo Vạc (giai đoạn II)	2021-2023	840/QĐ-UBND ngày 14/6/2025	5.587,00			4.847,00	3.759,00		1.088,00		740,00	5.587,00	3.759,00		1.828,00	Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	
22	Dự án: HG-K1	2021-2025	34/QĐ-UBND ngày 1/3/2022; 237/QĐ-UBND ngày 21/6/2024	142.030,00	90.000,00		20.000,00	10.000,00	10.000,00			28.361,00	48.361,00	10.000,00	10.000,00	28.361,00	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	
II	Công trình hoàn thành, chưa quyết toán			845.925,39	76.281,00	99.881,00	205.632,00	155.632,00	5.000,00	45.000,00		127.000,00	332.632,00	155.632,00	5.000,00	172.000,00		
1	Hồ dự trữ nước và điều tiết thủy lợi thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn;	2021-2023	386/QĐ-UBND ngày 23/3/2022; 615/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	76.616,00			29.000,00	14.000,00	5.000,00	10.000,00		10.000,00	39.000,00	14.000,00	5.000,00	20.000,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
2	NC, MR tuyến đường liên xã từ KM 160+500 QL4C xã Pá Vi đi cầu Tráng Hương xã Xín Cái;	2023-2025	9377/QĐ-UBND ngày 12/12/22	170.608,00			3.400,00	3.400,00				23.627,00	27.027,00	3.400,00		23.627,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
3	Đường từ thủy điện Nho Quế II đi ngã 3 xã Sơn Vi nối đường lên Mốc 504 xã Sơn vi (Giai đoạn I: 2022-2025)	2023-2025	1438/QĐ-UBND ngày 12/9/2022; 956/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	104.899,00			41.168,00	41.168,00				23.373,00	64.541,00	41.168,00		23.373,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
4	Nâng cấp, cải tạo đoạn đường từ km 55 (ĐT 177 Bắc Quang - Xín Mần) vào huyện và đường trung tâm nội thị, thị trấn Vĩnh Quang, huyện HSP	12/2022-12/2024	805/QĐ-UBND ngày 10/6/2022; 301/QĐ-UBND ngày 04/03/2024	81.719,39			19.000,00	19.000,00				20.000,00	39.000,00	19.000,00		20.000,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích Tiểu khu Trong con (địa điểm móm đá đầu cầu treo, nền nhà cũ của bà Nông thị Phú)	2024-2025	710/QĐ-UBND ngày 07/6/2024; 10965/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	38.763,00			10.000,00		10.000,00			10.000,00	20.000,00			20.000,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
6	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường từ trung tâm xã Pá Vây Sù đến trung tâm xã Chí Cà nối đến mốc 188, huyện Xín Mần	2022-2024	823/QĐ-UBND ngày 14/6/2022	49.997,00			13.000,00	13.000,00				15.000,00	28.000,00	13.000,00		15.000,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KH-HT	Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT		Lũy kế vốn đã bỏ trị đến năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được duyệt				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Chủ đầu tư	Ghi chú	
			Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:			Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số các nguồn vốn			Trong đó: Vốn ngân sách trung ương	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	Điều chỉnh giảm (-)		Điều chỉnh tăng (+)	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn thu tiền sử dụng đất			Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư
7	HT cấp nước Suối Sừu về hồ dự trữ điều tiết nước TT xã Phong Quang để bảo vệ nguồn nước trồng, bảo vệ rừng, rừng đặc dụng, chống hạn hán, phát triển nông lâm nghiệp, tận thu cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh môi trường cho xã Phong Quang huyện Vị Xuyên và thành phố Hà Giang	2019-2025	2812/QĐ-UBND ngày 08/10/2019; 1759/QĐ-UBND ngày 17/09/2019; 1018/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	323.323,00	76.281,00	99.881,00	90.064,00	65.064,00		25.000,00		25.000,00	115.064,00	65.064,00		50.000,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
III	Công trình cần đẩy nhanh tiến độ đưa vào sử dụng năm 2025			2.759.662,78	1.275.523,00	357.651,18	323.030,00	175.866,00	109.772,00	37.392,00		240.364,50	563.394,50	175.866,00	109.772,00	277.756,50		
1	Cải tạo, sửa chữa đường Việt Lâm - Quảng Ngần - Thương Sơn, Huyện Vị Xuyên (giai đoạn I)	2022-2024	752/QĐ-UBND ngày 02/6/2022	49.631,00			22.000,00	22.000,00				3.000,00	25.000,00	22.000,00		3.000,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
2	Khu liên hợp thể thao và văn hoá tỉnh Hà Giang Giai đoạn I	2020-2025	991/QĐ-UBND ngày 26/6/2020; 2182/QĐ-UBND ngày 1/12/2022	342.956,00		30.922,00	228.530,00	81.366,00	109.772,00	37.392,00		4.000,00	232.530,00	81.366,00	109.772,00	41.392,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
3	Xây dựng cấp bách cơ sở hạ tầng bảo vệ biên giới tại Trung tâm xã Lũng Cú huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang (giai đoạn I)	2017-2023	1817/QĐ-UBND ngày 19/10/2022	346.721,00		252.913,00	2.000,00	2.000,00				18.000,00	20.000,00	2.000,00		18.000,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
4	Công trình khắc phục hậu quả thiên tai bảo vệ trường học, khu dân cư đường biên giới từ UBND xã Tà Ván đi Pao Mã Phìn, Mã Hoàng Phìn, Mốc 272/2, Mốc 276 huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang	2020-2024	2674/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	299.144,00	264.027,00	30.000,00						12.595,00	12.595,00			12.595,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
5	Khu tái định cư tổ 2, phường Quang Trung, thành phố Hà Giang	2024-2026	915/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	69.407,60			15.500,00	15.500,00				16.000,00	31.500,00	15.500,00		16.000,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
6	Sửa chữa, Cải tạo hệ thống rãnh thoát nước và lát đá vỉa hè trung tâm xã Tân Quang	2025-2027	8360/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	29.818,00								8.000,00	8.000,00			8.000,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
7	Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Bình Vàng, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên (GĐ I). HM: Hệ thống thoát nước thải, trạm xử lý nước thải	2020-2024	02/QĐ-BQLDA ngày 06/2/2020; 07/QĐ-BQLDA ngày 18/10/2024	53.164,00		27.247,00	12.000,00	12.000,00				12.000,00	24.000,00	12.000,00		12.000,00	BQL các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh	
8	Hạ tầng kỹ thuật Khu Thương mại biên mậu Nà La theo quy hoạch XD Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy; Hàng mục: Chi phí rà phá bom mìn, chi phí đo vẽ bản đồ thu hồi đất, chi phí bồi thường, hỗ trợ TĐC GPMB thực hiện dự án	2017-2020	1294/QĐ-UBND ngày 01/7/2021	16.660,18		13.069,18	1.000,00	1.000,00				2.591,00	3.591,00	1.000,00		2.591,00	BQL các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh	
9	Đập dâng nước tạo cảnh quan trung tâm thành phố Hà Giang	2023-2025	393/QĐ-UBND ngày 25/3/2022; 1688/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	330.290,00	220.000,00		17.500,00	17.500,00				27.000,00	44.500,00	17.500,00		27.000,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
10	Sửa chữa tuyến đường Liên Hiệp - Hữu Săn, huyện Bắc Quang	2023-2025	6966/QĐ-UBND ngày 15/11/2022; 7606/QĐ-UBND ngày 4/3/2025	31.636,00								4.500,00	4.500,00			4.500,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
11	Cải tạo, nâng cấp đường Minh Ngọc - Mậu Duệ (ĐT. 176B) Giai đoạn 1 từ km 7+200 - Km27 +500	2021-2024	353/QĐ-UBND ngày 11/3/2022	439.581,00	300.000,00		10.000,00	10.000,00				54.878,50	64.878,50	10.000,00		54.878,50	Sở Xây dựng	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KH-HT	Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT			Lũy kế vốn đã bỏ trị đến năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được duyệt				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:			Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		Tổng số	Trong đó:				
				Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương			Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
12	Cải tạo, nâng cấp tuyến Đường Yên Bình - Cốc Pài (ĐT .178) Giai đoạn 1 từ Km0-Km27 và xây dựng cầu Bàn Ngò tại Km60+600	2021-2024	1307/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	654.996,00	441.496,00		12.000,00	12.000,00			57.000,00	69.000,00	12.000,00		57.000,00	Sở Xây dựng		
13	Nâng cấp đường thông quan hàng hóa cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy, tỉnh Hà Giang	2019-2020	1693/QĐ-UBND ngày 10/8/2018; 1446/QĐ-UBND ngày 13/9/2022	8.303,00		3.500,00	2.500,00	2.500,00			800,00	3.300,00	2.500,00		800,00	BQL các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh		
14	CT,NC tuyến đường từ Km17, QL4C đi Trạm kiểm soát Biên phòng Minh Tân, huyện Vị Xuyên nối tuyến đường từ thôn Pao Mã Phìn, xã Tả Ván, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang (Giai đoạn I)	2021-2024	2072/QĐ-UBND ngày 6/10/2021	87.355,00	50.000,00						20.000,00	20.000,00			20.000,00	Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh		
IV	Công trình Khẩn cấp, khắc phục hậu quả thiên tai			41.748,00							11.000,00	11.000,00			11.000,00			
1	Kè chống sạt lở đoạn biên giới khu vực Mốc 217+367m đến Mốc 217+427m, xã Bàn Máy, tỉnh Tuyên Quang	2025-2027	2431/QĐ-UBND ngày 3/10/2025	33.748,00							5.000,00	5.000,00			5.000,00	Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh		
2	Công trình khẩn cấp khắc phục sạt lở tuyến đường nội bộ D3, Khu công nghiệp Bình Vàng, tỉnh Tuyên Quang	2025-2027	627/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	8.000,00							6.000,00	6.000,00			6.000,00	BQL các khu công nghiệp và khu kinh tế tỉnh		
V	Công trình đối ứng vốn ODA (chuẩn bị đầu tư)			4.716.541,00							25.000,00	25.000,00			25.000,00			
1	Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai - Tỉnh Hà Giang	2025-2030	1549/QĐ-TTg ngày 15/12/2022; 1049/QĐ-TTg ngày 30/5/2025	1.299.505,00							10.000,00	10.000,00			10.000,00	Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh		
2	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc tỉnh Hà Giang	2025-2030	1062/QĐ-TTg ngày 02/6/2025	3.417.036,00							15.000,00	15.000,00			15.000,00	Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh		

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, TỈNH TUYỀN QUANG

(Kèm theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KH-HT	Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 được duyệt			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025		Kế hoạch đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh			CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương			Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ			9.467.126,72	1.893.674,00	3.378.712,92	213.538,00	106.538,00	107.000,00	9.170,86	528.816,32	733.183,46	106.538,00	626.645,46		
I	ĐIỀU CHỈNH GIẢM			95.400,00	85.400,00	2.000,00	10.000,00		10.000,00	9.170,86		829,14		829,14		
1	Cơ sở làm việc Công an thành phố Hà Giang thuộc Công an tỉnh Hà Giang	2025	7012/QĐ-BCA-H02 ngày 29/6/2024	95.400,00	85.400,00	2.000,00	10.000,00		10.000,00	9.170,86		829,14		829,14	Công an Tỉnh	
II	ĐIỀU CHỈNH TĂNG			9.371.726,72	1.808.274,00	3.376.712,92	203.538,00	106.538,00	97.000,00		528.816,32	732.354,32	106.538,00	625.816,32		
(1)	Thanh toán khối lượng hoàn thành các dự án			209.860,15	116.570,00	198.759,35					7.750,20	7.750,20		7.750,20		
1	Dự án: Nhà quản lý, bảo vệ đường hầm ĐTHG-2015	2023	35/QĐ-UBND ngày 26/8/2025	984,60		700,10					284,50	284,50		284,50	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	
2	Dự án: Rà phá bom mìn, vật nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2012-2015	2014-2025	2301/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	119.561,96	116.570,00	116.570,00					2.991,96	2.991,96		2.991,96	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	
3	Dự án: HG-08, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang	2021-2023	465/QĐ-UBND ngày 27/11/2023	42.448,74		38.975,00					3.473,74	3.473,74		3.473,74	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	
4	Dự án: QP-HG1	2020-2024	70/QĐ-UBND ngày 05/5/2020; 172/QĐ-UBND ngày 06/11/2020	46.864,86		42.514,25					1.000,00	1.000,00		1.000,00	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	
(2)	Bổ trí vốn để đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành dự án			4.987,26		3.000,00					1.420,66	1.420,66		1.420,66		
1	Doanh trại cơ quan Bộ CHQS tỉnh Hà Giang: HM: Xây dựng cổng chính, tường rào bảo vệ và hạng mục phụ trợ	2024-2025	1323/QĐ-UBND ngày 10/10/2024	4.987,26		3.000,00					1.420,66	1.420,66		1.420,66	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	
(3)	Phân bổ chi tiết nguồn tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư			9.156.879,31	1.691.704,00	3.174.953,57	203.538,00	106.538,00	97.000,00		519.645,46	723.183,46	106.538,00	616.645,46		
I	Công trình hoàn thành, quyết toán			793.002,13	339.900,00	673.873,17	7.847,00	7.847,00			116.280,96	124.127,96	7.847,00	116.280,96		
1	Trạm y tế xã Sơn Vĩ, huyện Mèo Vạc	2019-2020	1595/QĐ-UBND ngày 03/8/2021	8.078,00		3.591,00					4.487,00	4.487,00		4.487,00	Sở Y tế	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KH-HT	Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 được duyệt		Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025		Kế hoạch đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh		CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ		
			Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số các nguồn vốn			Trong đó: Vốn ngân sách trung ương	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	Điều chỉnh giảm (-)			Điều chỉnh tăng (+)	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước
2	Hạ tầng Trạm kiểm soát liên ngành cửa khẩu Sầm Pun - Điện Bồng, huyện Mèo Vạc;	2021-2024	514/QĐ-UBND ngày 23/5/2025	68.399,09		56.207,62				12.191,47	12.191,47		12.191,47	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
3	Đường từ Thị trấn Đồng Văn đi Trung tâm xã Tả Lũng, huyện Đồng Văn;	2021-2023	974/QĐ-UBND ngày 25/6/2025	27.842,30		23.677,38				4.164,92	4.164,92		4.164,92		
4	Trung tâm Hội nghị huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang	2021-2022	1071/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	46.326,93		32.323,00				14.003,93	14.003,93		14.003,93	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
5	NC đường từ mốc 1051 ngã ba Phú Lũng - Thảng Mỏ, huyện Yên Minh;	2013-2015	64/QĐ-UBND ngày 20/02/2013	2.650,00		2.000,04				650,00	650,00		650,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
6	Tường chắn đất bờ đông sông Lô	2013-2015	437/QĐ-UBND ngày 20/3/2023	22.236,00		22.122,96				113,00	113,00		113,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
7	NCRN Đường QL4c - Tát Ngà - Nậm Ban (Gói thầu số 2c và 2d)	2015-2017	2984/QĐ-UBND ngày 29/12/17	31.233,00		27.733,00				3.499,00	3.499,00		3.499,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
8	Kè chống xói lở bờ thị trấn Yên Minh, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang	2009-2012	1132/QĐ-UBND ngày 30/6/2025	8.751,40		7.388,00				1.363,40	1.363,40		1.363,40	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
9	Kè chắn dòng suối xã Mậu Duệ, xã Mậu duệ, huyện Yên Minh, tỉnh Hà Giang	2.019	1118/QĐ-UBND ngày 28/6/2025	4.993,78		4.000,00				993,78	993,78		993,78	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
10	Kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư thôn Vàng Chá Phìn và thôn Thên Ván xã Cao Mã Pờ, huyện Quản Bạ	2019-2019	2925/QĐ-UBND ngày 27/12/2018; 1634/QĐ-UBND ngày 10/8/2021	13.611,57		12.153,57				1.458,00	1.458,00		1.458,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
11	Khắc phục tuyến đường xã Lũng Tầm đến trung tâm xã Thái An, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang	2019-2021	44/QĐ-UBND ngày 9/1/2019; 1318/QĐ-UBND ngày 05/7/2021; 742/QĐ-UBND ngày 01/6/2022	33.588,00		28.641,00				4.947,00	4.947,00		4.947,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
12	Đường ra biển giới từ Thanh Vân đi Bát Đại Sơn đến Mốc 338 huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang	2018-2020	895/QĐ-UBND ngày 17/6/2025	292.211,40	249.900,00	271.576,43				20.634,97	20.634,97		20.634,97	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
13	Xử lý nhà máy nước sinh hoạt thị trấn Yên Minh (di chuyển khăn cấp nhà máy)	2020 -2021	1719/QĐ-UBND ngày 7/10/2022	10.108,00		8.818,00				1.290,00	1.290,00		1.290,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
14	Trạm Y tế xã Phú Nam	2019-2020	1329/QĐ-UBND ngày 22/08/2022	4.579,00		2.291,80				2.287,20	2.287,20		2.287,20	Sở Y tế	
15	Trạm Y tế xã Yên Cường, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang	2019-2020	1461/QĐ-UBND ngày 14/9/2022	4.146,49		2.043,20				2.103,29	2.103,29		2.103,29	Sở Y tế	
16	Cấp nước sinh hoạt Trung tâm xã Ngọc Linh huyện Vị Xuyên	2017 - 2019	1719/QĐ-UBND ngày 7/10/2022	7.207,00		5.347,00				1.860,00	1.860,00		1.860,00	Trung tâm nước sạch nông thôn tỉnh Tuyên Quang	
17	Khu liên hợp thể thao và văn hoá tỉnh Hà Giang GD 2 (hạng mục Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác đã thực hiện)	2021-2024	731/QĐ-UBND ngày 13/6/2024	7.185,00		2.534,00				4.651,00	4.651,00		4.651,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KH-HT	Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 được duyệt			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025		Kế hoạch đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh			CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:		Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương			Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		
18	XD, BS CSVC cho cơ sở chăm sóc và phục hồi chức năng người tâm thần - Cai nghiện ma túy tỉnh Hà Giang	2021-2024	2595/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	44.998,00		39.999,00	5.000,00	5.000,00			4.999,00	9.999,00	5.000,00	4.999,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
19	Nhà điều trị nội nhi - đồng y bệnh viện huyện Đồng Văn	2015-2017	1555/QĐ-UBND ngày 14/8/2020	5.024,00		4.324,00					700,00	700,00		700,00	Sở Y tế	
20	Bệnh viện lao và bệnh phổi tỉnh Hà Giang; Hạng mục: Nhà điều trị nội trú khoa lao phổi	2018-2022	2012/QĐ-UBND ngày 09/11/2022	2.216,17		1.433,17					783,00	783,00		783,00	Sở Y tế	
21	Trạm Kiểm soát liên ngành, lối mở Mốc 504, xã Sơn Vi, huyện Mèo Vạc (giai đoạn II)	2021-2023	840/QĐ-UBND ngày 14/6/2025	5.587,00		2.000,00	2.847,00	2.847,00			740,00	3.587,00	2.847,00	740,00	Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	
22	Dự án: HG-K1	2021-2025	34/QĐ-UBND ngày 1/3/2022; 237/QĐ-UBND ngày 21/6/2024	142.030,00	90.000,00	113.669,00					28.361,00	28.361,00		28.361,00	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	
II	Công trình hoàn thành, chưa quyết toán			845.925,39	76.281,00	565.416,40	75.300,00	40.300,00	35.000,00		127.000,00	202.300,00	40.300,00	162.000,00		
1	Hồ dự trữ nước và điều tiết thủy lợi thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng Văn;	2021-2023	386/QĐ-UBND ngày 23/3/2022; 615/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	76.616,00		39.332,00	20.000,00	10.000,00	10.000,00		10.000,00	30.000,00	10.000,00	20.000,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
2	NC, MR tuyến đường liên xã từ KM 160+500 QL4C xã Pà Vi đi cầu Trảng Hương xã Xin Cái;	2023-2025	9377/QĐ-UBND ngày 12/12/22	170.608,00		133.276,00	10.746,00	10.746,00			23.627,00	34.373,00	10.746,00	23.627,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
3	Đường từ thủy điện Nho Quế II đi ngã 3 xã Sơn Vi nối đường lên Mốc 504 xã Sơn vi (Giai đoạn I: 2022-2025)	2023-2025	1438/QĐ-UBND ngày 12/9/2022; 956/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	104.899,00		71.168,40	6.490,00	6.490,00			23.373,00	29.863,00	6.490,00	23.373,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
4	Nâng cấp, cải tạo đoạn đường từ km 55 (ĐT 177 Bắc Quang - Xin Mần) vào huyện và đường trung tâm nội thị, thị trấn Vĩnh Quang, huyện HSP	12/2022-12/2024	805/QĐ-UBND ngày 10/6/2022; 301/QĐ-UBND ngày 04/03/2024	81.719,39		42.843,00	10.000,00	10.000,00			20.000,00	30.000,00	10.000,00	20.000,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
5	Tu bổ, tôn tạo di tích Tiểu khu Trọng con (địa điểm mòm đá đầu cầu treo, nền nhà cũ của bà Nông thị Phú)	2024-2025	710/QĐ-UBND ngày 07/6/2024; 10965/QĐ-UBND ngày 27/6/2025	38.763,00		10.000,00					10.000,00	10.000,00		10.000,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
6	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường từ trung tâm xã Pà Vây Sủ đến trung tâm xã Chí Cà nối đến mốc 188, huyện Xin Mần	2022-2024	823/QĐ-UBND ngày 14/6/2022	49.997,00		13.000,00					15.000,00	15.000,00		15.000,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
7	HT cấp nước Suối Sừ về hồ dự trữ điều tiết nước TT xã Phong Quang để bảo vệ nguồn nước trồng, bảo vệ rừng, rừng đặc dụng, chống hạn hán, phát triển nông lâm nghiệp, tận thu cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh môi trường cho xã Phong Quang huyện Vị Xuyên và thành phố Hà Giang	2019-2025	2812/QĐ-UBND ngày 08/10/2019; 1759/QĐ-UBND ngày 17/09/2019; 1018/QĐ-UBND ngày 23/6/2023	323.323,00	76.281,00	255.797,00	28.064,00	3.064,00	25.000,00		25.000,00	53.064,00	3.064,00	50.000,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
III	Công trình cần đẩy nhanh tiến độ đưa vào sử dụng năm 2025			2.759.662,78	1.275.523,00	1.935.664,00	120.391,00	58.391,00	62.000,00		240.364,50	360.755,50	58.391,00	302.364,50		

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KH-HT	Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 được duyệt			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025		Kế hoạch đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh			CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
			Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		Tổng số	Trong đó:				
				Tổng số các nguồn vốn			Trong đó: Vốn ngân sách trung ương	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	Điều chỉnh giảm (-)		Điều chỉnh tăng (+)	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước			Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư
1	Cải tạo, sửa chữa đường Việt Lâm - Quảng Ngần - Thượng Sơn, Huyện Vị Xuyên (giai đoạn 1)	22-24	752/QĐ-UBND ngày 02/6/2022	49.631,00		22.000,00	5.000,00	5.000,00			3.000,00	8.000,00	5.000,00	3.000,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
2	Khu liên hợp thể thao và văn hoá tỉnh Hà Giang Giai đoạn I	2020-2025	991/QĐ-UBND ngày 26/6/2020; 2182/QĐ-UBND ngày 1/12/2022	342.956,00		259.452,00	38.331,00	1.331,00	37.000,00		4.000,00	42.331,00	1.331,00	41.000,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
3	Xây dựng cấp bách cơ sở hạ tầng bảo vệ biên giới tại Trung tâm xã Lũng Cú huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang (giai đoạn 1)	2017-2023	1817/QĐ-UBND ngày 19/10/2022	346.721,00		254.913,00					18.000,00	18.000,00		18.000,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
4	Công trình khắc phục hậu quả thiên tai tại bảo vệ trường học, khu dân cư đường biên giới từ UBND xã Tả Ván đi Pao Mã Phìn, Mã Hoàng Phìn, Mốc 272/2, Mốc 276 huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang	2020-2024	2674/QĐ-UBND ngày 31/12/2020	299.144,00	264.027,00	264.027,00					12.595,00	12.595,00		12.595,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
5	Khu tái định cư tổ 2, phường Quang Trung, thành phố Hà Giang	2024-2026	915/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	69.407,60		15.500,00	15.000,00	15.000,00			16.000,00	31.000,00	15.000,00	16.000,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
6	Sửa chữa, Cải tạo hệ thống rãnh thoát nước và lát đá vỉa hè trung tâm xã Tân Quang	2025-2027	8360/QĐ-UBND ngày 01/4/2025	29.818,00		18.000,00					8.000,00	8.000,00		8.000,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
7	Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Bình Vàng, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên (GĐ I). HM: Hệ thống thoát nước thải, trạm xử lý nước thải	2020-2024	02/QĐ-BQLDA ngày 06/2/2020; 07/QĐ-BQLDA ngày 18/10/2024	53.164,00		39.247,00					12.000,00	12.000,00		12.000,00	Ban quản lý các khu công nghiệp và Khu kinh tế	
8	Hạ tầng kỹ thuật Khu Thương mại biên mậu Nà La theo quy hoạch XD Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy; Hạng mục: Chi phí rà phá bom mìn, chi phí đo vẽ bản đồ thu hồi đất, chi phí bồi thường, hỗ trợ TĐC GPMB thực hiện dự án	2017-2020	1294/QĐ-UBND ngày 01/7/2021	16.660,18		14.069,00					2.591,00	2.591,00		2.591,00	Ban quản lý các khu công nghiệp và Khu kinh tế	
9	Đập dâng nước tạo cảnh quan trung tâm thành phố Hà Giang	2023-2025	393/QĐ-UBND ngày 25/3/2022; 1688/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	330.290,00	220.000,00	202.500,00	40.000,00	15.000,00	25.000,00		27.000,00	67.000,00	15.000,00	52.000,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
10	Sửa chữa tuyến đường Liên Hiệp - Hữu Sắn, huyện Bắc Quang	2023-2025	6966/QĐ-UBND ngày 15/11/2022; 7606/QĐ-UBND ngày 4/3/2025	31.636,00		24.900,00					4.500,00	4.500,00		4.500,00	BQL dự án ĐTXD công trình tỉnh	
11	Cải tạo, nâng cấp đường Minh Ngọc - Mậu Duệ (ĐT. 176B) Giai đoạn 1 từ km 7+200 - Km27 +500	2021-2024	353/QĐ-UBND ngày 11/3/2022	439.581,00	300.000,00	310.000,00	10.000,00	10.000,00			54.878,50	64.878,50	10.000,00	54.878,50	Sở Xây dựng	
12	Cải tạo, nâng cấp tuyến Đường Yên Bình - Cốc Pài (ĐT .178) Giai đoạn 1 từ Km0-Km27 và xây dựng cầu Bán Ngò tại Km60+600	2021-2024	1307/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	654.996,00	441.496,00	453.556,00	12.060,00	12.060,00			57.000,00	69.060,00	12.060,00	57.000,00	Sở Xây dựng	
13	Nâng cấp đường thông quan hàng hóa cửa khẩu quốc tế Thanh Thủy, tỉnh Hà Giang	2019-2020	1693/QĐ-UBND ngày 10/8/2018; 1446/QĐ-UBND ngày 13/9/2022	8.303,00		7.500,00					800,00	800,00		800,00	Ban quản lý các khu công nghiệp và Khu kinh tế	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KH-HT	Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 được duyệt			Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025		Kế hoạch đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh			CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
			Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:		Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư		Tổng số	Trong đó:				
				Tổng số các nguồn vốn			Trong đó: Vốn ngân sách trung ương	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư	Điều chỉnh giảm (-)		Điều chỉnh tăng (+)	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước			Nguồn tăng thu ngân sách, tiết kiệm chi thường xuyên chuyển sang chi đầu tư
14	CT,NC tuyến đường từ Km17, QL.4C đi Trạm kiểm soát Biên phòng Minh Tân, huyện Vị Xuyên nối tuyến đường từ thôn Pao Mã Phìn, xã Tả Ván, huyện Quan Bạ, tỉnh Hà Giang (Giai đoạn I)	2021-2024	2072/QĐ-UBND ngày 6/10/2021	87.355,00	50.000,00	50.000,00					20.000,00	20.000,00		20.000,00	Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	
IV	Công trình Khẩn cấp, khắc phục hậu quả thiên tai			41.748,00							11.000,00	11.000,00		11.000,00		
1	Kè chống sạt lở đoạn biên giới khu vực Mốc 217+367m đến Mốc 217+427m, xã Bản Máy, tỉnh Tuyên Quang	2025-2027	2431/QĐ-UBND ngày 3/10/2025	33.748,00							5.000,00	5.000,00		5.000,00	Ban chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	
2	Công trình khẩn cấp khắc phục sạt lở tuyến đường nội bộ D3, Khu công nghiệp Bình Vàng, tỉnh Tuyên Quang	2025-2027	627/QĐ-UBND ngày 8/9/2025	8.000,00							6.000,00	6.000,00		6.000,00	Ban quản lý các khu công nghiệp và Khu kinh tế	
V	Công trình đối ứng vốn ODA (chuẩn bị đầu tư)			4.716.541,00							25.000,00	25.000,00		25.000,00		
1	Dự án phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai - Tỉnh Hà Giang	2025-2030	1549/QĐ-TTg ngày 15/12/2022; 1049/QĐ-TTg ngày 30/5/2025	1.299.505,00							10.000,00	10.000,00		10.000,00	Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh	
2	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc tỉnh Hà Giang	2025-2030	1062/QĐ-TTg ngày 02/6/2025	3.417.036,00							15.000,00	15.000,00		15.000,00	Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh	

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, TỈNH TUYẾN QUANG

(Kèm theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KH-HT	Quyết định phê duyệt CTTD, DA, QT			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được duyệt				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:			Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		Nguồn viện trợ không hoàn lại của Tổ chức Global Vision/Hàn Quốc		Nguồn thu tiền sử dụng đất		Tổng số	Trong đó:				
				Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương			Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn viện trợ không hoàn lại của Tổ chức Global Vision/Hàn Quốc	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn viện trợ không hoàn lại của Tổ chức Global Vision/Hàn Quốc		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	TỔNG SỐ			9.175.182,73	8.400.170,00	15.000,00	2.394.738,61	84.105,30	2.302.830,00	7.803,31	39.827,47	39.827,47	-	483,37	1.800.000,00	-	595.221,98	84.105,30	502.830,00	8.286,68		
1	ĐIỀU CHỈNH GIẢM			8.973.442,10	8.297.170,00	15.000,00	2.371.935,30	69.105,30	2.302.830,00	-	39.827,47	-	-	-	1.800.000,00	-	532.107,83	29.277,83	502.830,00	-		
1	Đầu tư ứng dụng Công nghệ thông tin tỉnh Tuyên Quang tiến tới cuộc cách mạng 4.0, giai đoạn 2021-2025	2021-2025	1395/QĐ-UBND ngày 14/9/2021	9.076,00			9.000,00	9.000,00			334,00						8.666,00	8.666,00			Sở KH&CN	
2	Sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Nà Đứa, xã Đà Vĩ, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	2020-2022	237/QĐ-UBND ngày 18/6/2020	44.181,32		15.000,00	15.000,00	15.000,00			141,64						14.858,36	14.858,36			Ban QLDA ĐTXD các công trình số 01	
3	Dự án đầu tư xây dựng Khu thể thao văn hóa và quảng trường trung tâm huyện Lâm Bình.	2023-2025	320/QĐ-UBND 23/8/2023	43.999,78			19.200,00	19.200,00			14.000,00						5.200,00	5.200,00			Ban QLDA ĐTXD các công trình số 01	
4	Xây dựng hệ thống đường ống dẫn nước nối với tuyến ống cấp nước thô hồ Cao Ngồi để cấp nước sinh hoạt cho các xã Phú Lương, Hào Phú, Tam Đa, Hồng Lạc huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2023-2025	403/QĐ-UBND ngày 24/10/2023	24.000,00			1.000,00	1.000,00			446,53						553,48	553,48			Ban QLDA ĐTXD các công trình số 01	
5	Nâng cấp hạ tầng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	2025	337/QĐ-UBND ngày 07/9/2023; 972/QĐ-UBND ngày 13/8/2024	14.905,00			14.905,30	14.905,30			14.905,30						-	-			Sở KH&CN	
6	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025	2023-2025	28/QĐ-UBND 31/01/2023	37.280,00			10.000,00	10.000,00			10.000,00						-	-			Văn phòng Tỉnh ủy	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KH-HT	Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT		Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được duyệt				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ		
			Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:			Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		Nguồn viện trợ không hoàn lại của Tổ chức Global Vision/Hàn Quốc		Nguồn thu tiền sử dụng đất		Tổng số	Trong đó:						
				Tổng số các nguồn vốn			Trong đó: Vốn ngân sách trung ương		Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn viện trợ không hoàn lại của Tổ chức Global Vision/Hàn Quốc	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước			Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn viện trợ không hoàn lại của Tổ chức Global Vision/Hàn Quốc
7	Đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang, giai đoạn I - đoạn qua tỉnh Tuyên Quang	2023-2027	Số 87/NQ-HĐND ngày 21/12/2021; 25/NQ-HĐND ngày 16/8/2022; 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; 79/NQ-HĐND ngày 26/12/2024; 1868/QĐ-UBND ngày 21/12/2022; 1393/QĐ UBND ngày 20/11/2023; 126/QĐ UBND ngày 10/02/2025; 536/QĐ-UBND ngày 05/5/2025; 516/QĐ-UBND ngày 24/8/2025	8.800.000,00	8.297.170,00		2.302.830,00		2.302.830,00							1.800.000,00		502.830,00		502.830,00		Ban QLDA ĐTXD các công trình số 01	
II	ĐIỀU CHỈNH TĂNG			201.740,64	103.000,00	-	22.803,31	15.000,00	-	7.803,31	-	39.827,47	-	483,37	-	-	54.827,47	54.827,47	-	8.286,68			
(1)	Bổ trí vốn để đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành dự án			193.453,95	103.000,00	-	15.000,00	15.000,00	-	-	-	29.758,47	-	-	-	-	44.758,47	44.758,47	-	-			
1	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm y tế huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	2022-2025	320/QĐ-UBND ngày 14/4/2023	100.000,00	52.000,00		15.000,00	15.000,00				20.619,73					35.619,73	35.619,73			Ban QLDA ĐTXD các công trình số 01		
2	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Tuyên Quang	2022-2025	260/QĐ-UBND ngày 04/4/2023	61.000,00	51.000,00		-					2.938,74					2.938,74	2.938,74			Ban QLDA ĐTXD các công trình số 01		
3	Cấp nước sinh hoạt xã Thái Bình, huyện Yên Sơn	2022	180/QĐ-UBND ngày 01/3/2022	12.956,52			-					3.000,00					3.000,00	3.000,00			Trung tâm nước sạch nông thôn		
4	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Tuyên Quang	2025	235/QĐ-UBND ngày 11/7/2024; 241/QĐ-SXD, ngày 25/8/2025	19.497,44								3.200,00					3.200,00	3.200,00			Sở Xây dựng		
(2)	Bổ trí bổ sung từ nguồn viện trợ không hoàn lại của Tổ chức Global Vision/Hàn Quốc			8.286,68	-	-	7.803,31	-	-	7.803,31	-	-	-	483,37	-	-	-	-	-	8.286,68			
1	Dự án Xây dựng nhà lớp học 02 tầng 10 phòng học Trường Tiểu học Tứ Quận, xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	2025	486/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	8.286,68			7.803,31			7.803,31				483,37					8.286,68		Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài		
(3)	Bổ trí vốn để thực hiện các nhiệm vụ lập, điều chỉnh quy hoạch			-	-	-	-	-	-	-	-	10.069,00	-	-	-	-	10.069,00	10.069,00	-	-			

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KH- HT	Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được duyệt				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh				CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
			Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:			Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		Nguồn viện trợ không hoàn lại của Tổ chức Global Vision/Hàn Quốc		Nguồn thu tiền sử dụng đất		Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số các nguồn vốn			Trong đó: Vốn ngân sách trung ương	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn viện trợ không hoàn lại của Tổ chức Global Vision/Hàn Quốc	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)		Điều chỉnh tăng (+)	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn thu tiền sử dụng đất			Nguồn viện trợ không hoàn lại của Tổ chức Global Vision/Hàn Quốc
a)	Quy hoạch chung đô thị mở rộng			-	-	-	-	-	-	-	2.000,00	-	-	-	-	2.000,00	2.000,00	-	-			
1	Quy hoạch chung đô thị mở rộng xã Pà Vây Sù (Thị trấn Cốc Pài, xã Pà Vây Sù, xã Nàn Ma, xã Bán Ngò)										2.000,00					2.000,00	2.000,00			Sở Xây dựng		
b)	Quy hoạch phân khu chức năng			-	-	-	-	-	-	-	2.500,00	-	-	-	-	2.500,00	2.500,00	-	-			
1	Quy hoạch phân khu xây dựng khu phức hợp đô thị nghỉ dưỡng và dự án Sân golf hồ Ngòi Lả tại các xã Chân Sơn, Trung Môn, Kim Phú huyện Yên Sơn, thành phố Tuyên Quang (nay là phường Minh Xuân, xã Yên Sơn)										2.500,00					2.500,00	2.500,00			Sở Xây dựng		
c)	Điều chỉnh quy hoạch			-	-	-	-	-	-	-	5.569,00	-	-	-	-	5.569,00	5.569,00	-	-			
1	Lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2025-2026									5.000,00					5.000,00	5.000,00			Sở Tài chính		
2	Lập quy hoạch điều chỉnh cục bộ chi tiết Khu công nghiệp Long Bình An, tỉnh Tuyên Quang	2025									569,00					569,00	569,00			Ban quản lý các KCN tỉnh		

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, TỈNH TUYỀN QUANG

(Kèm theo Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KH-HT	Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 được duyệt				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025						Kế hoạch đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh				CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:			Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		Nguồn thu tiền sử dụng đất		Nguồn viện trợ không hoàn lại của Tổ chức Global Vision/Hàn Quốc		Tổng số	Trong đó:				
				Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương			Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn viện trợ không hoàn lại của Tổ chức Global Vision/Hàn Quốc	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn viện trợ không hoàn lại của Tổ chức Global Vision/Hàn Quốc		
1	2	3	4	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	TỔNG SỐ			9.270.440,74	8.450.170,00	254.522,32	1.162.716,31	61.913,00	1.093.000,00	7.803,31	38.947,17	38.947,17	1.078.000,00	-	-	483,37	85.199,68	61.913,00	15.000,00	8.286,68		
I	ĐIỀU CHỈNH GIẢM			9.010.366,51	8.297.170,00	121.741,17	1.135.413,00	42.413,00	1.093.000,00	-	38.947,17	-	1.078.000,00	-	-	-	18.465,83	3.465,83	15.000,00	-		
1	Đầu tư ứng dụng Công nghệ thông tin tỉnh Tuyên Quang tiến tới cuộc cách mạng 4.0, giai đoạn 2021 - 2025	2021-2025	1395/QĐ-UBND ngày 14/9/2021	9.076,00		8.942,80	400,00	400,00			334,00						66,00	66,00			Sở KH&CN	
2	Sắp xếp ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn thôn Nà Đứa, xã Đà Vĩ, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	2020-2022	237/QĐ-UBND ngày 18/6/2020	44.181,32		37.500,00	1.164,00	1.164,00			141,64						1.022,36	1.022,36			Ban QLDA ĐTXD các công trình số 01	
3	Dự án đầu tư xây dựng Khu thể thao văn hóa và quảng trường trung tâm huyện Lâm Bình.	2023-2025	320/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	43.999,78			14.000,00	14.000,00			14.000,00						-	-			Ban QLDA ĐTXD các công trình số 01	
4	Công trình thủy lợi Đồng Trại, thôn Phú Nhiều, xã Phú Lương, huyện Sơn Dương	2020-2022	1264/QĐ-UBND ngày 9/9/2020	36.924,41		34.423,26	2.025,00	2.025,00			2.025,00						-	-			Ban QLDA ĐTXD các công trình số 01	
5	Xây dựng hệ thống đường ống dẫn nổi với tuyến ống cấp nước thô hồ Cao Ngồi để cấp nước sinh hoạt cho các xã Phú Lương, Hào Phú, Tam Đa, Hồng Lạc huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	2023-2025	403/QĐ-UBND ngày 24/10/2023	24.000,00		500,00	500,00	500,00			446,53						53,48	53,48			Ban QLDA ĐTXD các công trình số 01	
6	Nâng cấp hạ tầng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh	2025	337/QĐ-UBND ngày 07/9/2023; 972/QĐ-UBND ngày 13/8/2024	14.905,00			12.000,00	12.000,00			12.000,00						-	-			Sở KH&CN	
7	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025	2023-2025	28/QĐ-UBND ngày 31/01/2023	37.280,00		200,00	10.000,00	10.000,00			10.000,00						-	-			Văn phòng Tỉnh ủy	
8	Dự án đầu tư xây dựng đường từ trung tâm thành phố Tuyên Quang đi khu du lịch suối khoáng Mỹ Lâm	2026-2029	586/QĐ-UBND ngày 19/5/2025			175,11	95.324,00	2.324,00	93.000,00				88.000,00				7.324,00	2.324,00	5.000,00		Ban điều phối các dự án vốn nước ngoài	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KH-HT	Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT		Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 được duyệt				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025						Kế hoạch đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh				CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ	
			Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó:			Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		Nguồn thu tiền sử dụng đất		Nguồn viện trợ không hoàn lại của Tổ chức Global Vision/Hàn Quốc		Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số các nguồn vốn			Trong đó: Vốn ngân sách trung ương	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn viện trợ không hoàn lại của Tổ chức Global Vision/Hàn Quốc	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)		Điều chỉnh tăng (+)	Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn thu tiền sử dụng đất			Nguồn viện trợ không hoàn lại của Tổ chức Global Vision/Hàn Quốc
9	Đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang, giai đoạn 1 - đoạn qua tỉnh Tuyên Quang	2023-2025	Số 87/NQ-HĐND ngày 21/12/2021; 25/NQ-HĐND ngày 16/8/2022; 45/NQ-HĐND ngày 09/12/2022; 79/NQ-HĐND ngày 26/12/2024; 1868/QĐ-UBND ngày 21/12/2022; 1393/QĐ UBND ngày 20/11/2023; 126/QĐ UBND ngày 10/02/2025; 536/QĐ-UBND ngày 05/5/2025; 516/QĐ-UBND ngày 24/8/2025	8.800.000,00	8.297.170,00	40.000,00	1.000.000,00		1.000.000,00								10.000,00		10.000,00		Ban QLDA ĐTXD các công trình số 01	
II	ĐIỀU CHỈNH TĂNG			260.074,24	153.000,00	132.781,15	27.303,31	19.500,00	-	7.803,31	-	38.947,17	-	-	-	483,37	66.733,85	58.447,17	-	8.286,68		
(1)	Bổ trí vốn để đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành dự án			251.787,55	153.000,00	132.781,15	19.500,00	19.500,00	-	-	-	28.878,17	-	-	-	-	48.378,17	48.378,17	-	-		
1	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải Khu công nghiệp Long Bình An	2022-2025	149/QĐ-UBND ngày 07/02/2016; 386/QĐ- UBND ngày 21/10/2021	58.333,60	50.000,00	50.000,00	4.500,00	4.500,00				1.452,00					5.952,00	5.952,00			Ban quản lý các KCN tỉnh	
2	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm y tế huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang	2022-2025	320/QĐ-UBND ngày 14/4/2023	100.000,00	52.000,00	41.733,32	15.000,00	15.000,00				18.287,43					33.287,43	33.287,43			Ban QLDA ĐTXD các công trình số 01	
3	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Tuyên Quang	2022	260/QĐ-UBND ngày 04/4/2023	61.000,00	51.000,00	34.167,82	-					2.938,74					2.938,74	2.938,74			Ban QLDA ĐTXD các công trình số 01	
4	Cấp nước sinh hoạt xã Thái Bình, huyện Yên Sơn	2022	180/QĐ-UBND ngày 01/3/2022	12.956,52		1.880,00	-					3.000,00					3.000,00	3.000,00			Trung tâm nước sạch nông thôn	
5	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Tuyên Quang	2024-2025	235/QĐ-UBND ngày 11/7/2024; 241/QĐ-SXD, ngày 25/8/2025	19.497,44		5.000,00	-					3.200,00					3.200,00	3.200,00			Sở Xây dựng	
(2)	Bổ trí bổ sung từ nguồn viện trợ không hoàn lại của Tổ chức Global Vision/Hàn Quốc			8.286,68	-	-	7.803,31	-	-	7.803,31	-	-	-	-	-	483,37	8.286,68	-	-	8.286,68		
1	Dự án Xây dựng nhà lớp học 02 tầng 10 phòng học Trường Tiểu học Tứ Quận, xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	2025	486/QĐ-UBND ngày 19/8/2025	8.286,68			7.803,31			7.803,31						483,37	8.286,68			8.286,68	Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài	

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	Thời gian KH-HT	Quyết định phê duyệt CTĐT, DA, QT			Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2024	Kế hoạch đầu tư công năm 2025 được duyệt				Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025						Kế hoạch đầu tư công năm 2025 sau điều chỉnh				CHỦ ĐẦU TƯ	GHI CHÚ
			Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó:			Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước		Nguồn thu tiền sử dụng đất		Nguồn viện trợ không hoàn lại của Tổ chức Global Vision/Hàn Quốc		Tổng số	Trong đó:				
				Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: Vốn ngân sách trung ương			Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn viện trợ không hoàn lại của Tổ chức Global Vision/Hàn Quốc	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)	Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)		Xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Nguồn viện trợ không hoàn lại của Tổ chức Global Vision/Hàn Quốc		
(3)	Bố trí vốn để thực hiện các nhiệm vụ lập, điều chỉnh quy hoạch			-	-	-	-	-	-	-	10.069,00	-	-	-	-	10.069,00	10.069,00	-	-			
a)	Quy hoạch chung đô thị mở rộng			-	-	-	-	-	-	-	2.000,00	-	-	-	-	2.000,00	2.000,00					
1	Quy hoạch chung đô thị mở rộng xã Pà Vây Sù (Thị trấn Cốc Pài, xã Pà Vây Sù, xã Nàn Ma, xã Bàn Ngò)							-			2.000,00					2.000,00	2.000,00			Sở Xây dựng		
b)	Quy hoạch phân khu chức năng			-	-	-	-	-	-	-	2.500,00	-	-	-	-	2.500,00	2.500,00	-	-			
1	Quy hoạch phân khu xây dựng khu phức hợp đô thị nghỉ dưỡng và dự án Sân golf hồ Ngòi Lả tại các xã Chăn Sơn, Trung Môn, Kim Phú huyện Yên Sơn, thành phố Tuyên Quang (nay là phường Minh Xuân, xã Yên Sơn)							-			2.500,00					2.500,00	2.500,00			Sở Xây dựng		
c)	Điều chỉnh quy hoạch			-	-	-	-	-	-	-	5.569,00	-	-	-	-	5.569,00	5.569,00	-				
1	Lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2025-2026						-			5.000,00					5.000,00	5.000,00			Sở Tài chính		
2	Lập quy hoạch điều chỉnh cục bộ chi tiết Khu công nghiệp Long Bình An, tỉnh Tuyên Quang	2025						-			569,00					569,00	569,00			Ban quản lý các KCN tỉnh		